

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 218/2019/HSPT
Ngày 30 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Chung.

2. Ông Văn Công Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2019/TLPT - HS ngày 20/6/2019 đối với các bị cáo Nguyễn Viết C và Phan Y T về tội “Cuồng đoạt tài sản”, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2019/HSST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. **Nguyễn Viết C**; sinh năm 1986 tại: Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn HT, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông: Nguyễn Công B và bà Phan Thị M; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/12/2015, được miễn trách nhiệm hình sự về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án hình sự phúc thẩm số 534/2015/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2018 cho đến nay, hiện đang tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

2. Phan Y T; sinh năm: 1986 tại: Đắc Lắc; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Ê Đê; nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Y Thông Adrong và bà Phan Thị Sâm; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Diễm My và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Viết C và Phan Y T là bạn học phổ thông với nhau. Khoảng đầu tháng 10/2018, C đón xe khách do T làm tài xế đi từ huyện K lên thành phố B chơi. Khi xe dừng nghỉ, trong lúc nói chuyện, T đưa cho C 01 chiếc thẻ nhớ điện thoại và nói “tao cho mày xem cái này hay lắm”. C lắp thẻ nhớ vào điện thoại của mình thì thấy trong thẻ nhớ có nhiều hình ảnh khỏa thân của một phụ nữ. C hỏi T có biết người phụ nữ là ai không và chiếc thẻ nhớ của ai thì T nói nhặt được chiếc thẻ nhớ rơi trên xe ô tô cách đó vài ngày và người phụ nữ trong ảnh là chị Lê Thị N, chủ cửa hàng vật liệu xây dựng ĐN trong xã ET. T biết đó là chị N vì T có mua vật liệu xây dựng của cửa hàng và hiện nay vẫn đang nợ chị N số tiền gần 60.000.000 đồng chưa thanh toán. Nghe T nói vậy, C nảy sinh ý định sử dụng các bức ảnh khỏa thân của chị N ở trong thẻ nhớ điện thoại để đe dọa chị N nhằm chiếm đoạt tài sản và rủ T cùng tham gia. C bàn với T sẽ đe dọa, uy hiếp tinh thần chị N bằng cách dọa tung hình khỏa thân lên mạng xã hội để tống tiền chị N số tiền 100.000.000 đồng, T sẽ lấy 60.000.000 đồng trả nợ cho chị N còn C sẽ lấy 40.000.000 đồng tiêu xài cá nhân thì T đồng ý. T đưa chiếc thẻ nhớ cho C giữ, sau đó vài ngày C đem thẻ nhớ đến một tiệm ảnh (không nhớ địa chỉ cụ thể) tại thành phố B rửa 08 tấm ảnh khỏa thân của chị N rồi báo cho T biết.

Ngày 29/10/2018, C đến gặp T và bàn với T sẽ đưa ảnh khỏa thân trên cho chị N xem trước để chị N tin và giao tiền, T đồng ý rồi đưa địa chỉ nhà và số điện thoại của chị N cho C. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô biển số 47M3-73xx (xe mượn của ông B1 Adrong) đi đến nhà chị N tại thôn X, xã ET, C đưa cho chị N 01 phong bì bên trong có 05 tấm ảnh khỏa thân của chị N. Sau đó, C về nhà sử dụng số điện thoại 08271764xx gọi đến số điện thoại 09862950xx của chị N, đe dọa và yêu cầu chị N phải đưa cho C số tiền 100.000.000 đồng, nếu không C sẽ phát tán hình ảnh khỏa thân của chị N lên mạng

xã hội và gửi cho chồng của chị N. Trong ngày 30/10 và 31/10/2018, C liên tục nhắn tin, gọi điện đe dọa buộc chị N phải giao tiền cho C. Lo sợ hình ảnh khóa thân bị phát tán sẽ ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của mình nên chị N đồng ý giao tiền cho C với điều kiện C không được phát tán hình ảnh và đưa lại toàn bộ ảnh khóa thân và thẻ nhớ cho chị N thì C đồng ý. C và chị N thống nhất chiều ngày 02/11/2018 giao tiền. Sau đó, chị N đã đến cơ quan công an huyện Krông Năng trình báo sự việc mình bị đe dọa cưỡng đoạt tiền.

Khoảng 12 giờ ngày 02/11/2018, C điều khiển xe mô tô biển số 47E1-095.xx (mượn của bà Phan Thị M) và T điều khiển xe mô tô biển số 47E1-10951 (mượn của anh Nguyễn Quốc T1) đến thôn X, xã ET. T đứng chờ cách nhà chị N khoảng 300m, còn C điều khiển xe chạy xung quanh khu vực nhà chị N để quan sát xem có ai theo dõi hay không, sau đó C gọi điện thoại yêu cầu chị N đi ra trước nhà giao tiền. Chị N lấy 100.000.000 đồng bỏ vào trong túi xách màu đen rồi cùng với một người phụ nữ là trinh sát công an huyện Krông Năng hóa trang đi ra đường để gặp C. C đưa cho chị N 03 tấm ảnh khóa thân đựng trong bì thư và yêu cầu chị N mở túi xách ra để xem tiền. Thấy trong túi có tiền nên C yêu cầu chị N giao tiền nhưng chị N không chịu mà yêu cầu C phải giao thẻ nhớ và hình ảnh khóa thân cho chị N trước. Hai bên đang giằng co thì cán bộ điều tra đi xe mô tô chạy tới tiếp cận nên C nổ máy xe bỏ chạy, T đứng xa nhìn thấy vậy cũng bỏ chạy. Sau đó cơ quan điều tra triệu tập C và T lên làm việc thì cả hai đã khai nhận hành vi của mình.

****Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HSST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Viết C và Phan Y T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Viết C 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 03/11/2018.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phan Y T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 03/6/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 15/QĐ - VKS - P7 với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm để sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không áp dụng các Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Y T; tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Viết C và Phan Y T, không cho bị cáo Phan Y T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, xét mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Viết C và 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Phan Y T là chưa thỏa đáng, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, không thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật và không có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, d khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 23/2019/HS – ST ngày 14/5/2019 của Tòa án Krông Năng về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Viết C và Phan Y T và về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Phan Y T. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù và bị cáo Phan Y T 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị HĐXX xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, tham lam vụ lợi cá nhân nên khi có được chiếc thẻ nhớ điện thoại có chứa những hình ảnh nhạy cảm của chị Lê Thị N, các bị cáo đã sử dụng những hình ảnh này để đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của chị N với số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội Cưỡng đoạt tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Viết C, HĐXX thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C 03 năm tù chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T cùng tham gia thực hiện, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị N. Nhân thân của bị cáo trước đây đã từng tàng trữ trái phép chất ma túy, do chính sách pháp luật Nhà nước ta có thay đổi nên bị cáo C được miễn trách nhiệm hình sự Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và thể hiện được tính răn đe, giáo dục của pháp luật nhà nước ta. Do vậy, kháng nghị đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị C của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Phan Y T, không cho bị cáo T được hưởng án treo, HĐXX nhận thấy: Trong vụ án này, mức độ phạm tội của bị cáo là hạn chế, bị cáo chỉ cung cấp địa chỉ và số điện thoại của người bị hại để cho C gửi ảnh và nhắn tin đe dọa và đứng chờ C khi C tiến hành giao nhận tiền với chị N. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, phạm tội lần đầu, bị cáo từng có thời gian tham gia cống hiến trong quân đội và hiện nay có nơi cư trú rõ ràng. Hậu quả của vụ án chưa gây ra thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Do vậy, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với nội dung này.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 15/QĐ/VKS - P7 ngày 03/6/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HSST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Viết C.

[2] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Viết C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 03/11/2018.

[3] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phan Y T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- UBND thị trấn K;
- Chi cục THADS huyện K;
- THAHS Công an huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tùng